

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 01/CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM – ASSET/2026

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức, cá nhân : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset  
Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt nam.  
Điện thoại : (84-028) 3 7653284 – 3 7653285 – 37653286 Fax: (84-028) 37 653258 -54283458  
Email : [jojo@pham-asset.com](mailto:jojo@pham-asset.com)  
Mã số doanh nghiệp : 0302771009

Số Giấy chứng nhận FSSC 22000: 38161412002, ngày cấp: 27/01/2026, nơi cấp: Intertek Certification Limited.

**II. Thông tin về sản phẩm:**

1. Tên sản phẩm : **CÀ PHÊ VỊ ĐẬM MIRANO**
2. Thành phần: Đường, bột kem không sữa, maltodextrin, bột cà phê 8%, chất tạo màu tự nhiên (150a), hương liệu tổng hợp (cà phê), bột ca cao, muối i-ốt.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Cà phê được đóng gói trong màng OPP.

Khối lượng tịnh mỗi gói: 10g, 11g, 12g, 13g, 14g, 15g, 16g, 17g, 18g, 19g, 20g và theo yêu cầu của khách hàng.

- Các gói cà phê được đóng vào hộp carton: 16, 18, 20 gói/hộp

- Các hộp được đóng vào thùng carton 3 lớp : 24 hộp/thùng.

- Nắp thùng và đáy thùng hoặc túi PE, PP có dán băng keo kín, đảm bảo trong quá trình vận chuyển, bảo quản không bong rách.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên tổ chức: Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset



Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84-028) 37653284–37653285–37653286, Fax: (84-028) 37653258-54283458

### III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, áp dụng cho cà phê.
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn an toàn cho phép đối với ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, áp dụng cho cà phê.
- TCVN 1287: 2019 về cà phê hỗn hợp hòa tan
- Tiêu chuẩn giới hạn ô nhiễm sinh học theo tiêu chuẩn cơ sở.
- Nghị định chính phủ 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).



**Giám Đốc**  
**Phạm Xuân Dũng**





Product Name: Phạm Asset - Film Cà phê Mirano Vị Dậm (83mm x 150mm x 1000m) 2025		CF-TF-PN - 21/08/2025	
Customer Name: PHAM-ASSET		Job No: PAS0016F	
DIMENSION (WxH)		Item Code: FG1212101607	
Key Line: 83 X 150 mm	Repair	Black	Repair
Bag Size: 35.5 x 150 mm	Repair	Cyan	Repair
Eye Mark: 4 X 6 mm	Repair	Magenta	Repair
	Repair	Yellow	Repair
	Repair	White	Repair
Approved by:		Sign off:	
<input type="checkbox"/> Customer		<input type="checkbox"/> Sale	
<input type="checkbox"/> Sale present customer			
Date: .....			

Huhtamaki



Ownership of final approval for content, layout, text, eyemark and spelling is the client's responsibility. Please review all areas for inaccuracies, omissions or errors before committing to final approval. Diamond engraving mode will be applied default; any special engraving mode requirement, please specify. Color base on the pantone guide.

Approved ok to proceed to engraving  
 Alterations & revised pdf required  
 Alterations & revised HiRes proof required

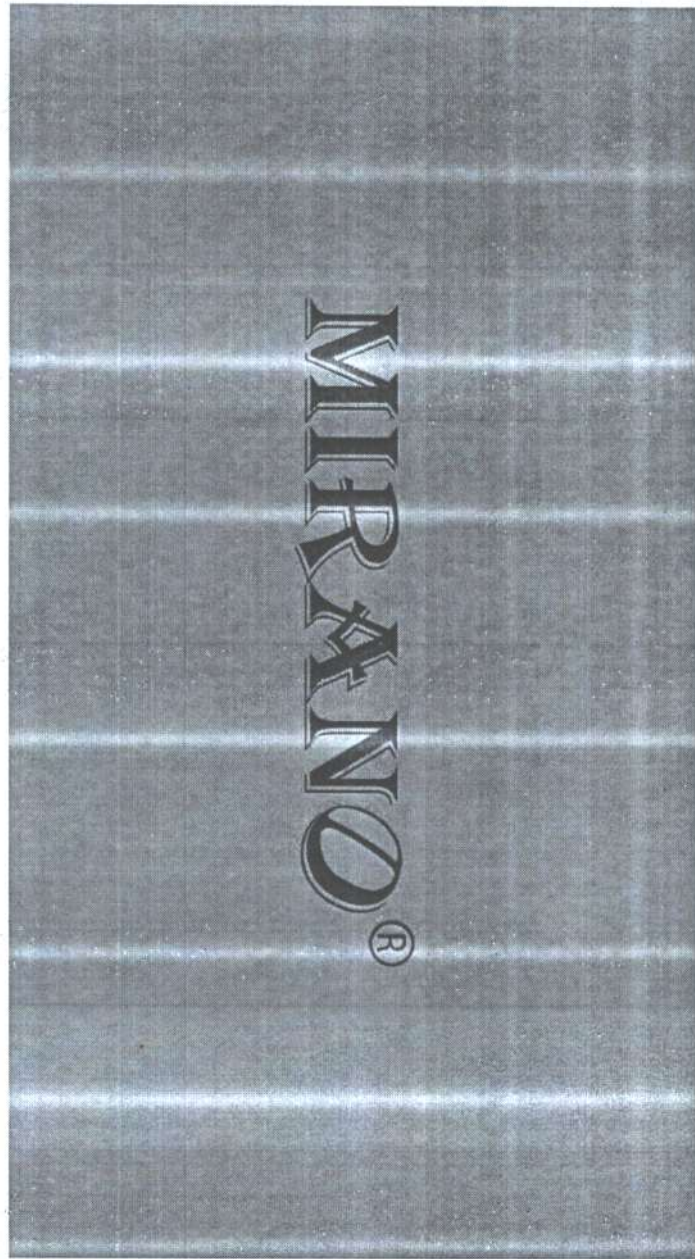
Color match to illustration (proof)  
 Color match to PMS shades  
 Color match to sample provide  
 Color match to drawdowns  
 Color match to existing design

The halftone of special color for pantone will base on the actual printed film





83mm  
75mm  
4mm  
4mm



150mm

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: IMC8250810718-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET  
 Địa chỉ/ Client's Address : Lô D4/1, Đường 1B, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 02/08/2025  
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 02/08/2025 - 15/08/2025  
 Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 15/08/2025  
 Thông tin mẫu/ Name of Sample : CÀ PHÊ VỊ ĐẬM MIRANO  
 Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa kín  
 Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber) (*)	69	kcal/16g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	0.581	g/16g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*)	12.1	g/16g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
4	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	7.02	g/16g	AVA-KN-PP.HL/03
5	Béo tổng (*) / Total fat (*)	2.00	g/16g	AVA-KN-PP.HL/02
6	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	33.9	mg/16g	AVA-KN-PP.QP/014 (Ref. AOAC 985.35)
7	Cafein (*) / Caffein (*)	0.097	%	AVA-KN-PP.SK/062
8	Độ ẩm (*) / Moisture (*)	2.79	%	TCVN 7035:2002
9	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	<10	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
10	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	<10	CFU/g	TCVN 4884-1:2015(ISO 4833-1:2013)
11	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
12	Enterobacteriaceae (*) / Enterobacteriaceae (*)	<10	CFU/g	ISO 21528-2:2017
13	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)



*Qu*



Trang/ Page No: 2/3

**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**



VLAT 1.1154  
 ISO/IEC 17025:2017

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: IMC8250810718-1

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
14	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
15	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
16	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
17	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- (\*\*)(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*\*)(\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
  - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
  - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

*Quu*

7692  
 TỶ CỐ  
 C CÔNG  
 ATE  
 HỒ C



Trang/ Page No: 3/3

**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**



**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: IMC8250810718-1

**THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)**

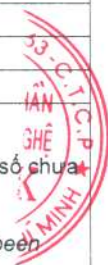
Thành phần dinh dưỡng <i>Nutritional ingredients</i>	Khẩu phần 16 g <i>Serving size 16 g</i>		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu <i>% Nutrient reference values</i>
<b>Năng lượng (Energy)</b>	<b>69</b>	<b>kcal</b>	<b>3%</b>
<b>Chất đạm (Protein)</b>	<b>0.581</b>	<b>g</b>	<b>1%</b>
<b>Carbohydrat không bao gồm xơ (Carbohydrate not included fiber)</b>	<b>12.1</b>	<b>g</b>	<b>4%</b>
<b>Đường tổng số (Total Sugars)</b>	<b>7.02</b>	<b>g</b>	<b>-</b>
<b>Béo tổng (Total Fat)</b>	<b>2.00</b>	<b>g</b>	<b>4%</b>
<b>Natri (Sodium)</b>	<b>33.9</b>	<b>mg</b>	<b>2%</b>

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).

Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrat không bao gồm xơ: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg

% Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).

Nutrient reference values: Energy: 2000 kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate not included fiber: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Total Fat: 56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TRẦN HOÀNG VINH**

## BẢNG THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

CÔNG TY	SẢN PHẨM	SỐ:
CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM - ASSET	<b>CÀ PHÊ VỊ ĐẬM MIRANO</b>	01/CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM - ASSET/2026

### 1. Chỉ tiêu cảm quan:

CHỈ TIÊU	MỨC CÔNG BỐ
1. Trạng thái	Dạng bột mịn, không vón cục
2. Màu sắc	Bột có màu nâu đen đặc trưng của sản phẩm
3. Mùi, vị	Thơm mùi cà phê, vị béo, ngọt, đắng đặc trưng, không có vị lạ.

### 2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Giới hạn
1. Năng lượng	kcal/16g	$69 \pm 20\%$
2. Độ ẩm	%	Max 5%
3. Đạm	g/16g	$0.58 \pm 20\%$
4. Hàm lượng carbohydrat	g/16g	$12.1 \pm 20\%$
5. Đường tổng số	g/16g	$7.02 \pm 20\%$
6. Chất béo	g/16g	$2.0 \pm 20\%$
7. Hàm lượng Natri	mg/16g	$33.9 \pm 20\%$
8. Hàm lượng cafein	%	$0.097 \pm 20\%$

### 3. Chỉ tiêu vi sinh:

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
9. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, không lớn hơn	CFU /g	$10^4$
10. Colifom, không lớn hơn	CFU /g	10
11. E. Coli, không lớn hơn	CFU /g	3
12. Samonella	/25g	0
13. Clostridium perfringens, không lớn hơn	CFU /g	10
14. Bacillus cereus, không lớn hơn	CFU /g	10
15. Staphylococcus aureus, không lớn hơn	CFU /g	10
16. Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc, không lớn hơn	CFU /g	$10^2$

4. Hàm lượng kim loại nặng: theo QCVN 8-2:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong nhóm cà phê.

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1. Hàm lượng Thủy Ngân (Hg)	mg/kg	0.05
2. Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	1.0
3. Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	2.0
4. Hàm lượng Cadmi (Cd)	mg/kg	1.0

5. Độc tố nấm: theo quy chuẩn Việt Nam 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong cà phê.

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1. Ochratoxin A, không lớn hơn	µg/kg	10

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Giám đốc công ty



PHẠM XUÂN DŨNG